

Một số vấn đề mấu chốt về khoa học — kỹ thuật ĐỀ NÂNG CAO NĂNG SUẤT LÚA Ở NƯỚC TA

(Phòng văn phòng chí ĐƯỜNG HỒNG DẬT
Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp)

VỚI khoảng 5 triệu héc-ta canh tác, trong đó đại bộ phận (4 triệu 20 vạn héc-ta) là diện tích trồng lúa, rõ ràng cây lúa là cây lương thực chủ yếu nhất trong nông nghiệp nước ta, và việc nhanh chóng nâng cao năng suất ở tất cả các ruộng lúa là một yêu cầu cấp bách.

Để giúp bạn đọc có thể tìm hiểu những nét chính chung quanh « một số vấn đề mấu chốt về khoa học — kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lúa ở nước ta », chúng tôi đã tới gặp đồng chí Đường Hồng Dật, thứ trưởng Bộ nông nghiệp và phòng văn phòng chí về 4 vấn đề mà chúng tôi cho là có liên quan trực tiếp tới chủ đề trên. Dưới đây là nội dung cuộc phỏng vấn.

PHỎNG VIÊN: Đề nghị đồng chí cho biết một số nhận xét chủ yếu nhất về tình hình sản xuất lúa ở nước ta trong thời gian qua và triển vọng thực tế của vấn đề này trong thời gian tới.

TRA LỜI: Tình hình sản xuất lúa của nước ta trong thời gian qua có 3 đặc điểm chủ yếu:

1. Diện tích lúa đã tăng nhanh trong những năm gần đây và khả năng còn tăng thêm được nữa. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do tăng vụ, một phần nhỏ là do tăng thêm diện tích mới: năm 1975 diện tích gieo trồng lúa cả nước là 4 triệu 85 vạn héc-ta, thì năm 1976, diện tích đó tăng lên là 5 triệu 29 vạn héc-ta; năm 1977 là 5 triệu 39 vạn héc-ta; và tới năm 1978 cũng chỉ xấp xỉ con số đó (khoảng 5 triệu 40 vạn héc-ta).

Hướng tăng diện tích trồng lúa bằng cách mở thêm diện tích mới là có, nhưng không nhiều. Hướng chủ yếu là tăng vụ, và khả năng tăng vụ lúa của ta còn khá lớn, có thể làm khá nhanh; tốc độ tăng vụ lúa thời gian qua nhanh hơn tốc độ tăng thêm diện tích lúa

mới. Cụ thể là: về lúa hè thu, chỉ sau 1 năm: năm 1975 là 38 vạn héc-ta, thì năm 1976 đã tăng lên 61 vạn 5 nghìn héc-ta (tức tăng 60%). Và với diện tích lúa mùa là 3 triệu 30 vạn héc-ta, lúa đông-xuân và lúa hè-thu mới cấy được 2 triệu 10 vạn héc-ta, thì rõ ràng còn 1 triệu 23 vạn héc-ta lúa mùa mới chỉ làm được một vụ. Đó là một lãng phí lớn mà công tác khoa học — kỹ thuật nông nghiệp của nước ta thời gian tới phải ra sức khắc phục.

Mặt khác, một thực tế rõ rệt là có rất nhiều chân ruộng ở tất cả các vùng, các tỉnh của nước ta đã nâng được hệ số quay vòng ruộng đất lên 3 vụ trong một năm, cao hơn rất nhiều so với hệ số bình quân cả nước hiện nay (1,5 — 1,6). Do vậy, nếu thời gian tới, chúng ta nâng được hệ số quay vòng ruộng đất lên là 2 thời, thì chúng ta đã nhanh chóng có được 6 triệu 60 vạn héc-ta gieo trồng lúa (chứ không phải 5 triệu 40 vạn héc-ta như hiện nay), tức tăng thêm 1 triệu 20 vạn héc-ta nữa.

Để biến khả năng tăng vụ như trên của ta thành hiện thực thì 3 vấn đề: xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật; tổ chức và điều hành lao động ở hợp tác xã một cách khoa học, trên cơ sở những định mức kinh tế — kỹ thuật chính xác; và một hệ thống nghiệm thu kỹ thuật chặt chẽ, là những vấn đề có tầm quan trọng quyết định.

2. Năng suất lúa ở ta thời gian qua không ổn định (dao động từ 19,5 đến 22 tạ/héc-ta), trong đó năng suất lúa chiêm xuân còn bấp bênh, năng suất lúa mùa thấp, năng suất lúa hè thu lại khá cao.

Về năng suất lúa chiêm xuân chẳng hạn, năm 1975 đạt 21,8 tạ/ha; năm 1976 đạt 26,7 tạ/ha; năm 1977 đạt 21,4 tạ/ha; năm 1978 đạt 21,7 tạ/ha, và năm 1979 đạt 19,3 tạ/ha. Như vậy có thể thấy rõ năng suất năm cao

nhất (1976) và năm thấp nhất (1979) chênh nhau khoảng 8 tạ/ha. Trên phạm vi cả nước, sự chênh lệch như vậy là quá lớn. Trên từng tỉnh, từng huyện cụ thể thì sự chênh lệch sẽ còn lớn hơn nhiều. Cụ thể như ở Thái Bình, có năm năng suất bình quân lúa chiêm xuân đạt cao nhất tới gần 40 tạ/ha, gấp đôi so với năng suất bình quân năm thấp nhất.

Có hai vấn đề đặt ra là: a) năng suất lúa ở ta có thể ổn định được không? (có thể ổn định được nhờ vụ chiêm xuân); b) và có thể nâng cao năng suất lúa ở ta lên được nữa không (có thể nâng được nhờ vụ lúa mùa).

Tôi nghĩ năng suất lúa cả năm ở ta lâu nay không ổn định, chủ yếu là do năng suất lúa vụ chiêm xuân bấp bênh. Mà thực ra, vụ sản xuất lúa chiêm xuân lại diễn ra trong điều kiện thời tiết rõ ràng là ổn định hơn vụ mùa, (vụ mùa hay bị úng, bão, lụt, sâu bệnh), trong khi vụ chiêm xuân ít bị các thiên tai, dịch họa như trên. Vụ chiêm xuân chỉ hay bị rét đầu vụ một cách thất thường, do đó nếu phân đoán thời tiết không tinh thì gieo mạ sớm quá, gặp năm ấm mạ sẽ bị già; gieo mạ muộn quá, mạ hay bị rét đầu vụ (vây ra bất thường) làm chết mạ. Có thể nói: giải quyết tốt khâu mạ xuân thì có thể coi như nắm 70% thắng lợi của vụ chiêm xuân. Do đó, chính vụ chiêm xuân lại là vụ có điều kiện thâm canh ổn định năng suất cả năm hơn cả. Một chứng minh rõ rệt là đã có tỉnh (như Thái Bình) có nhiều vụ đạt năng suất vụ lúa chiêm xuân rất cao (gần 4 tấn/ha/vụ). Nhiều tỉnh khác cũng có những điển hình thâm canh vụ chiêm xuân tương tự như hợp tác xã Song Phượng huyện Đan Phượng (trước đây thuộc Hà Sơn Bình nay thuộc Hà Nội) đạt năng suất lúa chiêm xuân ổn định trên dưới 5 tấn/ha trong 10 năm liền. Ở đây, rõ ràng không phải Thái Bình (hoặc những hợp tác xã như Song Phượng, có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên hơn các tỉnh khác, cũng không phải huyện nào, vùng nào của cả tỉnh Thái Bình cũng đều có những điều kiện thuận lợi cho vụ sản xuất chiêm xuân. Rõ ràng có vấn đề trình độ thâm canh của nông dân xã viên, trình độ chỉ đạo kỹ thuật của đội ngũ cán bộ quản lý tỉnh Thái Bình (và một số nơi ở các tỉnh khác) rất đáng học tập. Cũng thời tiết ấy và với chất đất tương tự như một số nơi khác, nhưng Thái Bình làm được một lượt bèo dậu phủ kín ruộng toàn tỉnh; có hợp tác xã (như Vũ Thắng) còn làm được 2 lượt bèo, trong khi đó có tỉnh, cơ sở vật chất-kỹ thuật tương tự, chỉ làm được 0.5% diện tích có thả bèo dậu mà thôi. Qua đây ta càng thấy được tiềm năng kỹ thuật thâm canh của nông dân ta còn rất lớn để đưa năng suất lúa (đặc biệt là lúa chiêm xuân) lên cao hơn nhiều và tiến

tới ổn định được năng suất lúa cả năm. Còn vì sao năng suất lúa mùa thấp, và có thể nâng cao năng suất lúa mùa được không? Chúng tôi cho rằng còn có khả năng nâng cao và ổn định năng suất lúa mùa. Ở đây có một số vấn đề kỹ thuật: ngăn ngừa tác hại của các loài sâu bệnh hại lúa, xác định cơ cấu giống phù hợp, chủ động chống úng lụt v.v... Bên cạnh đó còn có một số vấn đề thuộc về chính sách phân phối ăn chia cần xem xét lại để có thể xác định chính xác sản lượng lúa mùa ở các hợp tác xã, vì mặc dù có những vấn đề kỹ thuật chưa được giải quyết tốt như đã nêu, nhưng năng suất lúa mùa quá thấp như hiện nay chưa phản ánh đúng tình hình thực tế của sản xuất. Rõ ràng là trước đây, khi chưa có vụ lúa xuân, thì bao giờ năng suất lúa mùa cũng gấp hai năng suất lúa chiêm. Nay năng suất lúa mùa lại thấp đi một cách đáng nghi ngờ. Cho nên nếu giải quyết được vấn đề phân phối ăn chia thì có lẽ năng suất lúa mùa (theo thống kê chính thức) sẽ tăng lên.

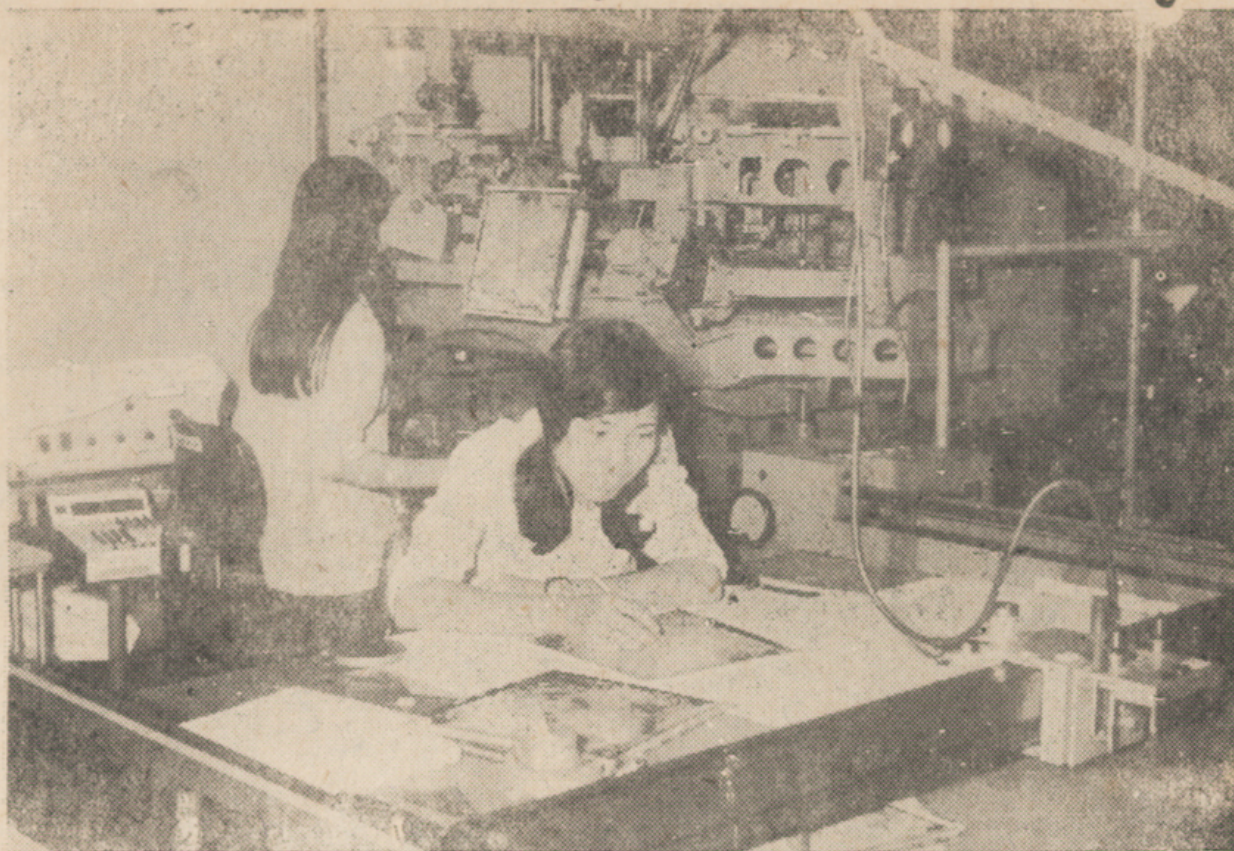
3. Năng suất lúa của ta không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố.

Một trong những tỉnh năng suất lúa thấp nhất là Bình Trị Thiên, có năng suất lúa cả năm 1975 là 13 tạ/ha, năm 1976 là 16,6 tạ/ha, năm 1977 là 15,5 tạ/ha.

Trong khi đó ở Thái Bình, năng suất lúa năm 1975 là 26,6 tạ/ha, năm 1976 là 32,3 tạ/ha, năm 1977 là 24,99 tạ/ha. Như vậy sự chênh lệch năng suất giữa tỉnh cao nhất và tỉnh thấp nhất là gần gấp hai. Đó là sự chênh lệch khá lớn trong so sánh giữa các tỉnh, nhưng nếu so sánh trên quy mô các hợp tác xã thì sự chênh lệch này sẽ còn lớn hơn.

Vấn đề đặt ra là: có phải khí hậu thời tiết hoặc đất đai các tỉnh có sự chênh lệch nhiều đến thế không? Không phải như vậy. Vì cũng ở Bình Trị Thiên thôi, có khá nhiều hợp tác xã đạt năng suất bình quân/năm, cũng như năng suất bình quân/vụ khá cao (có vụ đạt 3-4 tấn/ha, cả năm đạt 8-9 tấn/ha).

Hơn nữa, có một chứng cứ rất phổ biến không thể phủ nhận: lấy bất kỳ một hợp tác xã nào, trên bất kỳ một xứ đồng nào thì năng suất lúa ở một số ruộng 5% của xã viên cũng thường cao hơn nhiều so với năng suất chung. Thống kê trên nhiều thửa ruộng này cho thấy rõ, thường là trên 1 ha thu được 1 năm: 20 tấn khoai tây, 7-8 tấn lúa chiêm xuân, 4-5 tấn lúa mùa. Với những năng suất ấy, ai cũng phải thừa nhận xã viên ta rất có kinh nghiệm thâm canh lúa. Ai cũng tưởng rằng bà con xã viên bón rất nhiều phân chuồng hoặc phân đạm hóa học cho những thửa ruộng đó. Thực ra thì không phải như vậy. Qua theo dõi của chúng tôi thì nguyên nhân của những ruộng



Cán bộ kỹ thuật Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp về bản đồ quy hoạch nông nghiệp địa phương. Ảnh : MINH TRỌNG (TTXVN)

lúa năng suất cao, trên khắp các chân ruộng, ở khắp nơi trong cả nước, chủ yếu là do những người nông dân đó đã rất hiểu ruộng, hiểu lúa, hiểu cách sử dụng phân bón của mình, do đó chỉ với số lượng vật tư và phân bón ít ỏi mà họ có, họ đã đầu tư rất hợp lý, rất khoa học sức người, sức của trên thửa ruộng của mình. Tại mấy chục thửa ruộng trên đất 5% mà chúng tôi đã điều tra, thì thấy về cơ bản, lượng vật tư họ đưa vào cũng chỉ hơn chút ít so với ruộng của hợp tác xã. Tuy nhiên, họ rất biết lợi dụng thế mạnh của mình, đó là sức lao động dồi dào trong gia đình của người nông dân xã viên. Họ chăm sóc những ruộng lúa ấy rất chu đáo, rất chi li. «sáng thăm, tối nom», và vì vậy, tôi nghĩ rằng, phải thấy đầu tư nhiều lao động một cách thật sự hiệu quả cũng là một hướng để tăng năng suất lúa, và hướng này có thể sẽ mở ra một triển vọng lớn để nâng cao năng suất lúa ở nước ta. Về vấn đề này hợp tác xã Song Phượng (đã nêu trên) có nhiều kinh nghiệm quý cần học tập.

PHÓNG VIÊN : Trong các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lúa ở nước ta, có ý kiến cho rằng: kỹ thuật thâm canh về cơ bản đã được giải quyết, bây giờ chỉ là vấn đề vận dụng

các chính sách, chế độ nhằm đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào thực tế sản xuất lúa nữa mà thôi.

Xin dừng chỉ vui lòng cho biết ý kiến của mình về vấn đề trên.

TRẢ LỜI : Tôi nghĩ rằng khoa học-kỹ thuật nông nghiệp của ta đúng là đã giải quyết được khá nhiều việc phục vụ thâm canh tăng năng suất lúa, nhưng không có nghĩa như thế là đã đủ. Phải nói là chúng ta còn khá nhiều việc phải làm:

Một là, trên những nét khái quát nhất, tôi nghĩ cách chúng ta làm khoa học-kỹ thuật nông nghiệp còn công thức quá, còn cứng nhắc quá. Chúng ta đúng là có một nền khoa học-kỹ thuật nông nghiệp vì nông dân, nhưng chưa phải là nền khoa học-kỹ thuật nông nghiệp của nông dân. Chúng ta ban hành khá nhiều quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật; kèm theo đó là cả một hệ thống các công thức kỹ thuật khá phức tạp. Chúng ta in tất cả những thứ đó, rất nhiều bản, rất nhiều biểu. Nhưng thử hỏi: người nông dân có vận dụng được tất cả những điều đó vào thực tế sản xuất không. Cách chúng ta làm khoa học-kỹ thuật nông nghiệp như vậy có lẽ quá khô khan; và hình như, chúng ta đang đi theo xu hướng

« công thức hóa » ngày càng chi tiết các cách chỉ đạo kỹ thuật nông nghiệp ở cơ sở, trong khi thực tế nông nghiệp thì sinh động, phong phú, phức tạp, đầy biến động chứ không cứng nhắc, không đơn điệu, không công thức như chúng ta vạch sẵn. Vì vậy tôi nghĩ là có thể rồi đây, chúng ta phải có một cách khác để xây dựng và phổ biến những quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật : phải rất đơn giản, nhưng lại phải giải thích rõ cơ sở khoa học của nó, cách viết, cách trình bày quy trình phải khác. Nghĩa là phải trang bị cho nông dân một cách nào đó để họ tự giác hiểu và làm theo quy trình, rồi tùy diễn biến thời tiết, tùy điều kiện cụ thể mà họ chủ động quyết định những phương án canh tác tối ưu theo quy trình. Ví dụ với lúa chiêm xuân, trong một số cuộc họp ở huyện đề phổ biến lịch gieo mạ, hoặc lịch cấy, công thức cấy, với các đội trưởng hợp tác xã, một số huyện phổ biến quy trình kỹ thuật một cách khô khan : gieo mạ từ 1-12 đến 20-12 ; cấy 38-40 khóm/m² v.v... và v.v... Trên thực tế nhiều đội trưởng không còn nhớ cả ngày đó nữa và đến ngày 21-12, có huyện chỉ gieo được 1/2 số mạ quy định mà thôi. Có nơi, do không nắm được thực chất ý nghĩa của thời vụ gieo mạ xuân và với ý thức chủ động rải vụ không đúng, đã gieo mạ N.N 8 từ giữa tháng 11 v.v.

Ở một vài hợp tác xã, chúng tôi hỏi nhiều đội trưởng thì họ nói họ không hiểu quy định đó để làm gì, tầm quan trọng ra sao, cơ sở khoa học ở chỗ nào ? và vì sao phải cấy dày trong vụ chiêm xuân (họ không biết vì lúa xuân đẻ nhánh trong điều kiện không thuận lợi, do đó họ cứ cấy thưa). Tôi nghĩ có lẽ phải có một nghệ thuật trong việc viết quy trình, và nếu cần thiết, có thể phải có hai loại quy trình : một loại cho cơ sở và một loại cho cán bộ huyện.

Hai là, khoa học-kỹ thuật nông nghiệp của ta giải quyết thành công nhiều yếu tố kỹ thuật, nhưng các yếu tố đó thường được giải quyết riêng biệt tách rời nhau. Nhưng năng suất lúa ở các thửa ruộng của một hợp tác xã thì lại không phải là một hệ biệt lập như thế, mà là kết quả hoạt động của cả một hệ sinh thái ruộng lúa, có những tác động qua lại rất phức tạp với nhau. Do đó, khá nhiều kết quả thí nghiệm « trong chậu » của ta kết luận rõ rồi, nhưng không đưa vào thực tế sản xuất được. Thí dụ, việc dùng phân bón ở một số thửa ruộng của xã viên mà chúng tôi theo dõi, có khi không phải là đầu tư phân bón gì nhiều, mà chỉ là làm cỏ kịp thời, sục bùn đúng lúc, tưới tiêu nước hợp lý, để ải thật nỏ v.v..., mà đạt năng suất khá cao. Nông dân ta đã hiểu được một điều căn bản : lúa là sinh vật tự

đường, sống nhờ vào năng lượng ánh sáng mặt trời. Nó chỉ cần một khối lượng phân bón vừa đủ, bón đúng liều lượng, đúng lúc, và đúng kỹ thuật. Đồng thời phải có các biện pháp chăm sóc kịp thời để giúp nó chuyển hóa, trao đổi chất, hấp thụ được nhiều năng lượng mặt trời nhất trong quá trình tích lũy chất khô của lúa. Với lúa, bón nhiều phân quá cũng có hại như ít phân quá, thậm chí còn có hại hơn. Do vậy cách tốt nhất là xây dựng quy trình kỹ thuật gồm các biện pháp, đảm bảo sự hoạt động hài hòa hệ sinh thái lúa nước, đó chính là cách trồng lúa của nông dân trên những thửa ruộng mà họ đã thâm canh tốt. Năng suất lúa ở đây rất cao là những bằng chứng không thể chối cãi về khả năng thâm canh của họ. Bên cạnh việc giải quyết các biện pháp kỹ thuật một cách đồng bộ thì việc tổng hợp, tổng kết và nâng cao kỹ thuật làm ruộng thâm canh của nông dân lên thành quy trình kỹ thuật, có đầy đủ cơ sở khoa học, cũng là một nhiệm vụ cấp bách của các nhà nông học chúng ta.

PHÓNG VIÊN : Trong các biện pháp để thâm canh cây trồng, có ý kiến cho rằng cần phải nhập thật nhiều phân đạm hóa học mới mong đẩy năng suất lúa lên cao. Mong đồng chí cho biết ý kiến về vấn đề đó ?

TRẢ LỜI : Tôi không nghĩ như vậy. Phân đạm vô cơ đúng là rất cần đối với lúa, nhưng với số lượng đạm vô cơ như hiện nay nếu sử dụng tốt thì cũng có thể nâng năng suất lúa lên nhiều. Theo tôi, trước hết phải làm thế nào sử dụng tốt khối lượng phân đạm hiện có. Muốn thế thì : 1) phải bảo quản tốt hơn nữa, tránh mọi hao hụt trong chuyên chở, phân phối và cất giữ. 2) phải bón đúng lúc, đúng chỗ, đúng cách. 3) tìm mọi cách nâng cao hiệu quả phân đạm, như dùng đạm vô vi, bón đạm tập trung vào những nơi cần thiết nhất v.v... Mặt khác, phải khai thác thật tốt các nguồn phân hiện có, đặc biệt là bèo dậu, điền thanh. Về bèo dậu, có hai vấn đề phải giải quyết về mặt kỹ thuật là : phải có trại chuyên giữ giống bèo qua hè và nhân giống bèo vào vụ đông ; và phải có chế độ công diêm rõ ràng cho xã viên chuyên làm bèo, đảm bảo cho họ có mức công diêm thỏa đáng để khuyến khích họ hăng hái làm bèo dậu. Về điền thanh, điều chủ yếu là nhân giống và tổ chức thực hiện. Ngoài ra, phải chú ý đặc biệt đến biện pháp cày vụn và phơi ải, để « một hòn đất nở bằng một giỏ phân ».

Ngoài việc thực hiện tốt 3 biện pháp trên, phải đẩy mạnh phong trào làm phân chuồng, đặc biệt là phân lợn. Thiếu sót lớn của các

rai chăn nuôi tập thể hiện nay có thể nêu ra ở 3 mặt :

a) *Đi sat hướng* (lẽ ra phải nuôi lợn nái sinh sản thì lại chủ yếu đi nuôi lợn thịt, mà nuôi lợn thịt thì nông dân xã viên làm tốt hơn nhiều).

b) *Chỉ giao chỉ tiêu thịt lợn, không giao chỉ tiêu làm phân chuồng*, do đó mục đích của chăn nuôi tập thể là «tất yếu lấy thịt, chủ yếu lấy phân» không đạt được.

c) *Quản lý lao động rất lỏng lẻo*, tình trạng làm công nhật, rong công phóng diêm rất phổ biến.

Do đó, để có nhiều phân bón hơn nữa cho thâm canh lúa, tôi nghĩ sự đóng góp về phân của hệ thống trại chăn nuôi tập thể là rất lớn.

Với 15% đất đai, lẽ ra chăn nuôi tập thể phải nuôi được ít nhất là 7 - 8 triệu lợn. Nay con số đó chỉ bằng 1/10. Nếu ta có cách tổ chức trại chăn nuôi tập thể thật tốt, 3 khoán thật cụ thể, kiểu như Trại chuyên nuôi lợn nái của hợp tác xã Song Phượng (Đan Phượng); hoặc hình thức chăn nuôi tập thể (về lợn thịt) phân tán trong các gia đình xã viên, kiểu Quảng Xương (Thanh Hóa) thì tôi nghĩ nhất định số đầu lợn sẽ tăng và số phân chuồng phục vụ cho thâm canh cây trồng cũng sẽ tăng ít nhất gấp hàng chục lần như hiện nay.

Cuối cùng, cũng cần nói thêm là : theo tính toán của chúng tôi thì hướng giải quyết vấn đề phân bón cho lúa ở nước ta nên sắp xếp theo trình tự như sau : «đẩy thật mạnh việc chế biến và tận thu phân chuồng, hết sức phát triển bèo dâu, diêm thanh; kết hợp tốt với việc cây vắn rạ và phơi ải thật nỏ; bảo quản và sử dụng tốt phân đạm vô cơ mà ta có».

PHÓNG VIÊN : *Hiện nay năng suất lúa bình quân trong cả nước còn thấp. Có hai cách chỉ đạo : 1) tập trung vật tư cho một số điền hình để có năng suất thật cao ; và 2) đưa năng suất đồng đều từ 2 lên 4 - 5 tấn/ha bình quân trên diện tích rộng. Ý kiến đồng chí về vấn đề này như thế nào ?*

TRẢ LỜI : Theo tôi, về nguyên tắc, từ lâu khoa học nông nghiệp đã chỉ ra rằng : nếu

năng suất lúa đã cao, để đẩy lên thật cao, thì hiệu quả đầu tư của phân bón sẽ thấp, hơn là đầu tư phân bón cho nơi năng suất thấp để đẩy năng suất lên chỉ ở một mức độ tương đối cao. Cụ thể là : nếu ruộng lúa mới chỉ đạt năng suất là 1 tấn, muốn đẩy lên 2 tấn, thì cứ 1kg N sẽ cho ra 30kg thóc. Trong khi ở ruộng lúa có năng suất 4 tấn/ha rồi, muốn đẩy lên 5 tấn thì 1 N kg chỉ cho ra 10 - 15kg thóc thôi.

Ngoài ra, khi đầu tư phân bón lại phải chú ý tới tiềm năng về năng suất vốn có của giống lúa mà ta định bón phân. Ví dụ giống IR8 có tiềm năng năng suất tối đa rất cao là 13tấn/vụ, còn IR22 thì chỉ cho năng suất tối đa 7 tấn/vụ thôi. Không nắm những tiềm năng năng suất này của từng giống lúa thì hiệu quả đầu tư phân bón sẽ không kinh tế, thậm chí có hại.

Trên tư tưởng chỉ đạo, Bộ nông nghiệp không có ý định cố tạo ra một số điền hình có năng suất rất cao để làm mẫu mà không phổ biến được. Bộ chúng tôi rất muốn bằng mọi cách, nâng cao độ đồng đều của năng suất cả nước, ở tất cả các chân ruộng, khắp tất cả các vùng, nhằm đưa năng suất bình quân cả nước lên. Tuy nhiên, nhân đây tôi cũng muốn nói rõ tư tưởng chỉ đạo về đầu tư của Bộ chúng tôi trong vấn đề này là «phải đầu tư cho nông nghiệp, phấn đấu cho được 4 mục tiêu : tổng sản lượng lúa cả nước cao nhất ; đầu tư tập trung cho một số vùng trọng diêm để có một sản lượng thóc hàng hóa nhiều nhất ; đảm bảo hậu cần tại chỗ (đặc biệt với những nơi đất ít, người đông) ; đảm bảo hiệu quả kinh tế của vật tư được đầu tư vào cho nông nghiệp».

Trên 4 nguyên tắc như thế, đồng chí có thể thấy, ở nơi này Bộ nông nghiệp đầu tư phân bón nhiều là vì yêu cầu hậu cần tại chỗ ; ở nơi khác Bộ nông nghiệp đầu tư nhiều là vì yêu cầu ra một khối lượng sản phẩm hàng hóa cao v.v...

Mong bạn đọc Tạp chí, dựa trên 4 nguyên tắc trên, nếu thấy có gì cần góp ý kiến với Bộ chúng tôi, thì chúng tôi rất hoan nghênh.

NHỮNG NGƯỜI VIẾT BÀI TRONG SỐ NÀY

ĐƯỜNG HỒNG DẬT	-	Thứ trưởng Bộ nông nghiệp.
NGUYỄN VĂN LẬP	-	Trưởng phòng cầu - Viện kỹ thuật giao thông
NGUYỄN DUY PHIÊU	-	Phó Viện trưởng Viện hóa học công nghiệp
TRẦN LÂM QUANG	-	Cán bộ biên tập Tạp chí Hoạt động khoa học
HỒ ĐẮC SONG	-	Chủ nhiệm Công ty giống lúa trung ương
ĐẶNG LÊ TOÀN	-	Kỹ sư nhiệt luyện, Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1
NGUYỄN XUÂN TUÂN	-	Nguyên Phó ty nông nghiệp tỉnh Thái Bình
PHẠM THỊ TUYẾT	-	Cán bộ nghiên cứu Viện kỹ thuật giao thông
JACQUES VALLS	-	Giám đốc Trung tâm thông tin Băng Cốc của Liên hợp quốc (Thái Lan)